

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thu Lan;

Ông Vũ Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1044/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 1102/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T, trú tại: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị H xây dựng hạnh phúc với anh Phạm Văn T do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, vợ chồng không có cùng quan điểm về cách nuôi dạy con. Trong cuộc sống không có sự hiểu nhau, tôn trọng nhau nên không tìm được tiếng nói chung, nhiều lần xảy ra cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Cuộc sống hôn nhân trong tình trạng mâu thuẫn trầm trọng. Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã T ở từ ngày 08 tháng 02 năm 2022 và sống ly thân với anh T, hai bên không còn quan tâm nhau vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ với nhau. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Hải Y, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T có lời khai thể hiện: Anh nhất trí lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận và có 01 con chung. Đến đầu năm 2022 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị H bỏ nhà đi chơi qua đêm 3-4 ngày liền không quan tâm con. Chị H không giải thích lý do cho anh biết việc đi chơi nên anh không chấp nhận và anh đuổi chị H, chị H về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02 năm 2022 và không quay về chung sống với anh. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý. Về con chung: Anh T nhất trí vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hải Y, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014. Ly hôn anh nhường chị H nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản gì chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phạm Văn T không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Hải Y, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014, đề nghị giao con cho chị H nuôi dưỡng, tạm hoãn việc anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không

xem xét. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Văn T. Anh T có nơi cư trú tại thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 01 con chung. Quá trình chung sống chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên cuộc sống không hạnh phúc. Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 02 năm 2022 và sống ly thân với anh T, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh T tuy anh T không có mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai đồng ý ly hôn chị H nên Hội đồng xét xử, xử cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Phạm Hải Y, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T có lời khai đồng ý chị H nuôi con. Xét hiện chị H có công việc, có thu nhập và có nơi ở đảm bảo điều kiện nuôi con, cháu Y có đơn đề nghị ở với chị H. Hội đồng xét xử giao con Phạm Hải Y cho chị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc anh T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao con Phạm Hải Y, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014 cho chị Trần Thị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Văn T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001324 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Trần Thị H và anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nạn